TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 42/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 02 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị A,** sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp D, thị trấn G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: **Anh B** sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp D, thị trấn G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2004 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Cháu C, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2004 đang sống chung với anh B nên anh B có nghĩa vụ giao cháu C, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2004 cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu giải quyết.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh B đối với chị Trần Thị Lụa về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm 01 (một) chiếc xe môtô hiệu Wave (Trung Quốc), biển số kiểm soát 94F5 – 2051; 01 (một) chiếc xe môtô hiệu Vision biển số kiểm soát 94K1 – 735.52; 01 (một) bộ vòng simen có 09 (chín) chiếc với tổng trọng lượng 05 (năm) chỉ vàng 18k và 26 (hai mươi sáu) tấm tol.

2.4. Về nợ chung: Chị A và anh Bthống nhất không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành, bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013404 ngày 18 tháng 02 năm 2019, được chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh B không phải nộp án phí, tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013456 ngày 20 tháng 3 năm 2019, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H
- UBND xã G, huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Lê Thị Mỹ Xuyến